

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: 21/2022/DS-ST

Ngày 13/4/2022

Về việc: “Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC – TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Triệu

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Quang Tuyến

2. Bà Biện Mỹ Linh

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Chung – Thư ký Tòa án huyện Phú Quốc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc tham gia phiên tòa: Bà Đặng Mỹ Phương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 221/2021/TLST-DS, ngày 07/7/2021, về: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/3/2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Hoàng Xuân Th, sinh năm 1965

Địa chỉ: khu phố 5, phường An Thới, thành phố Phú Quốc, Kiên Giang.

Đại diện theo ủy quyền ông Hà Công N, sinh năm 1985

Địa chỉ: TDP 2 phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Chỗ ở hiện nay: khu phố 4, phường An Thới, thành phố Phú Quốc, Kiên Giang.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1962 và Ông Viên Đình T, sinh năm 1959.

Địa chỉ: khu phố 2, phường An Thới, thành phố Phú Quốc, Kiên Giang.

(ông N, bà Y có mặt, ông T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 6 năm 2021, tại bản tự khai và các ý kiến có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn theo ủy quyền anh Hà Công N trình bày:

Nguyên từ năm 2006 đến năm 2007 ông Hoàng Xuân Th có cho vợ chồng ông Viên Đình T và bà Nguyễn Thị Y vay tiền nhiều lần, đến ngày 12/01/2007 hai bên tổng kết lại số nợ gốc là 50.000.000 đồng, lãi suất do hai bên thỏa thuận là 3%/tháng, hai bên có làm biên nhận vay tiền vào ngày 12/01/2007. Để làm tin cho việc vay tiền ông T và bà Y có thể chấp 01 giấy tay chuyển nhượng đất do vợ chồng ông T và bà Y nhận chuyển nhượng từ bà Trần Thị Ngọc, thời hạn vay là 01 năm. Nhưng kể từ khi hết thời hạn vay tiền đến nay vợ chồng ông T và bà Y không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Ông Thuận khởi kiện yêu cầu ông T và bà Y giao trả một lần hết số tiền vốn gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 12/01/2007 đến ngày khởi kiện 10/6/2021 số tiền là 144.000.000 đồng, tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi là 194.000.000 đồng.

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị Y trình bày ý kiến:** thừa nhận có vay tiền của ông Thuận nhiều lần, hiện nay còn nợ gốc là 50.000.000 đồng và có ký biên nhận vay tiền ngày 12/01/2007 như ông Thuận trình bày là đúng. Nay ông T, bà Y đồng ý trả cho ông Thuận số tiền nợ cả gốc là 50.000.000 đồng và đồng ý trả lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay cho đến ngày nguyên đơn khởi kiện vụ án ngày 10/6/2021, tổng số tiền 194.000.000 đồng, nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên yêu cầu ông Thuận cho một phần nợ gốc và lãi là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), số tiền còn lại được trả dần hàng tháng với số tiền là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết số nợ

Ngày 26/11/2021 tại biên bản lấy lời khai, chúng tôi yêu cầu Tòa án trung cầu giám định chữ ký, chữ viết trong biên nhận vay tiền ngày 12/01/2007 nhưng nay tại phiên hòa tòa, xin rút lại yêu cầu trung cầu giám định chữ ký, chữ viết.

Ông Viên Đình T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến thống nhất với ý kiến trình bày của bà Y trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc có ý kiến: việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đến thời điểm này đều đảm bảo đúng pháp luật. Tuy nhiên, Thẩm phán còn vi phạm thời hạn thụ lý vụ án và thời hạn chuẩn bị xét xử nhưng xét thấy vi phạm trên không làm ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án, do đó kiến nghị Thẩm phán rút kinh nghiệm chung.

Về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát: Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày các đương sự tại phiên tòa xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Xuân Th có cơ sở chấp nhận, đề nghị HỘI đồng xét xử căn cứ vào Điều 471, 478 BLDS 2005; Điều 463, 468, 470 BLDS năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày

11/01/2019 và điểm b khoản 1 Điều 688 BLDS 2015: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Xuân Th đối với vợ chồng ông Viên Đình T và bà Nguyễn Thị Y.

Ghi nhận sự tự nguyện của vợ chồng ông T bà Y đồng trả cho ông Hoàng Xuân Th 194.000.000 đồng, gồm tiền vay 50.000.000 đồng và lãi là 144.000.000 đồng. Khi nào vợ chồng ông T bà Y trả hết tiền cho ông Thuận ông Thuận sẽ trả lại giấy sang nhượng vườn ngày 10/10/2002 cho ông T bà Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đồng bị đơn ông Viên Đình T có đơn xin vắng mặt, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt đối với bị đơn

[2] Về nội dung tranh chấp: Nguyên từ năm 2006 đến năm 2007 ông Hoàng Xuân Th có cho vợ chồng ông Viên Đình T và bà Nguyễn Thị Y vay tiền nhiều lần, đến ngày 12/01/2007 hai bên tổng kết lại số nợ gốc là 50.000.000 đồng, lãi suất do hai bên thỏa thuận là 3%/tháng, hai bên có làm biên nhận vay tiền vào ngày 12/01/2007 thời hạn vay là 01 năm, đến hạn vợ chồng ông T và bà Y không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Để làm tin cho việc vay tiền ông T và bà Y có thể chấp 01 giấy tay chuyển nhượng đất do vợ chồng ông T và bà Y nhận chuyển nhượng từ bà Trần Thị Ngọc (tuy nhiên phần đất này hiện vợ chồng bà Y đã chuyển nhượng cho người khác).

Tại phiên tòa ông Hà Công N đại diện theo ủy quyền cho ông Thuận yêu cầu ông T và bà Y giao trả một lần hết số tiền vốn gốc và tiền lãi từ ngày 12/01/2007 đến ngày khởi kiện 10/6/2021 là 194.000.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn Thuận, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ: Bà Nguyễn Thị Y, ông Viên Đình T thừa nhận hiện còn nợ ông Thuận số tiền 194.000.000đồng bao gồm có cả tiền lãi và tiền gốc, vợ chồng bà Y đồng ý trả số tiền này nhưng yêu cầu ông Thuận cho một phần nợ gốc và lãi là 100.000.000đ, số tiền còn lại xin trả mỗi tháng 1.000.000đ đến khi hết nợ, ý kiến này của phía bà Y không được nguyên đơn chấp nhận, căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử nghị buộc bà Y, ông T phải trả cho ông Thuận số tiền 194.000.000 đồng phù hợp.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Y, ông Viên Đình T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả $194.000.000đ \times 5\% = 9.700.000đ$ (chín triệu bảy trăm nghìn đồng), tuy nhiên bà Y và ông T được miễn nộp tiền án phí do thuộc đối tượng người cao tuổi theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326.

Ông Hoàng Văn Thuận không phải chịu án phí được hoàn trả số tiền 4.854.166đồng đã nộp tạm ứng theo lai thu số 0000431 ngày 29/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 26, 35, 147, 228, 264, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

- Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Xuân Th đối với ông Viên Đình T, bà Nguyễn Thị Y.

2. Buộc ông Viên Đình T, bà Nguyễn Thị Y có nghĩa vụ hoàn trả trả cho ông Hoàng Xuân Th số tiền 194.000.000đ (một trăm chín mươi bốn triệu đồng).

Ông Hoàng Xuân Th có nghĩa vụ trả lại giấy sang nhượng vườn ngày 10/10/2002 khi vợ chồng ông T bà Y trả hết tiền cho ông Thuận.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án không trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Y, ông Viên Đình T được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm do thuộc đối tượng người cao tuổi.

Ông Hoàng Xuân Th được hoàn trả số tiền 4.854.166đồng (bốn triệu tám trăm năm mươi tư nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng) đã nộp tạm ứng theo lai thu số 0000431 ngày 29/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ông Viên Đình T vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc

bản án niêm yết tại địa phương nơi cư trú) để xin xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS thành phố Phú Quốc;
- THA thành phố Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Ngọc Triệu